TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
Số: 66/2025/QĐST-HNGĐ	

TH, ngày 12 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 134/2025/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm: 1998

Địa chỉ: Thôn 2, xã Bảo Lâm 2, tỉnh Lâm Đồng.

Số căn cước công dân: 068198000306.

Bị đơn: Anh Trịnh Đình H. Sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn ML, xã MS, tỉnh TH.

Số căn cước công dân: 038097004236.

- Căn cứ vào Điều 144; 147; 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 6; 9; 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 12 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Trần Thị Thu H và anh Trịnh Đình H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị Thu H và anh Trịnh Đình H tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Trần Thị Thu H và anh Trịnh Đình H thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Thị Mai L, giới tính: Nữ, sinh ngày 24/07/2018. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Hiện nay cháu đang sống cùng anh H tại thôn ML, xã MS, tỉnh TH. Ly hôn, giao cháu Trịnh Thị Mai L cho anh Trịnh Đình H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản và nghĩa vụ chung:* Chị Trần Thị Thu H và anh Trịnh Đình H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị Thu H và anh Trịnh Đình H thống nhất thỏa thuận chị H chịu toàn bộ tiền án phí DS – HNGĐ sơ thẩm là 150.000 đồng. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí. Vì vậy, chị H được nhận lại 150.000 đồng tại Thi hành án Dân sự tỉnh TH theo biên lai thu tiền số: 0002945 ngày 12 tháng 11 năm 2025. Anh H không phải chịu án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10 – TH;
- Thi hành án Dân sự tỉnh TH;
- TAND tỉnh TH;
- UBND xã MS, tỉnh TH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Xuân Vinh